

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH PHÚ YÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34/NQ-HĐND

*Phú Yên, ngày 16 tháng 12 năm 2011*

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước tỉnh Phú Yên năm 2010**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**  
**KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ dự toán ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương ban hành kèm theo Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ;

Sau khi xem xét Báo cáo số 156/BC-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2011 của UBND tỉnh Phú Yên về quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2010; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước tỉnh Phú Yên năm 2010 như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 1.407.466 triệu đồng (Một nghìn bốn trăm lẻ bảy tỷ, bốn trăm sáu mươi sáu triệu đồng).

2. Tổng thu ngân sách địa phương: 4.154.491 triệu đồng (Bốn nghìn một trăm năm mươi bốn tỷ, bốn trăm chín mươi một triệu đồng).

3. Tổng chi ngân sách địa phương: 3.924.184 triệu đồng (Ba nghìn chín trăm hai mươi bốn tỷ, một trăm tám mươi bốn triệu đồng).

4. Kết dư ngân sách địa phương: 230.308 triệu đồng (Hai trăm ba mươi tỷ, ba trăm lẻ tám triệu đồng), trong đó:

a) Kết dư ngân sách tỉnh: 112.685 triệu đồng.

b) Kết dư ngân sách huyện, thị xã, thành phố: 85.616 triệu đồng.

c) Kết dư ngân sách xã: 32.007 triệu đồng.

*(Kèm theo các phụ lục số 01, 02 và 03)*

## **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được HĐND tỉnh thông qua.

## **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện các thủ tục báo cáo với Chính phủ và Bộ Tài chính theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định tăng cường đôn đốc, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Phú Yên khóa VI, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2011./.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Tấn Việt**

### QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2010

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm		Quyết toán	So sánh QT/DT(%)	
		Trung ương giao	HĐND giao		QT/DT TW giao	QT/DT HĐND
<b>A</b>	<b>Tổng thu NSNN trên địa bàn</b>	<b>828.000</b>	<b>1.130.000</b>	<b>1.407.466</b>	<b>169,98</b>	<b>124,55</b>
I	Thu trong cân đối ngân sách	828.000	986.600	1.196.249	144,47	121,25
1	Thu nội địa	798.000	951.600	1.170.661	146,70	123,02
2	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu	30.000	35.000	25.588	85,29	73,11
II	Các khoản thu để lại chi quản lý qua ngân sách		143.400	211.217		147,29
<b>B</b>	<b>Thu ngân sách địa phương được hưởng</b>	<b>2.107.062</b>	<b>2.491.000</b>	<b>4.154.491</b>	<b>197,17</b>	<b>166,78</b>
I	Thu ngân sách trên địa bàn	794.445	1.088.000	1.376.155	173,22	126,48
1	Thu trong cân đối ngân sách	794.445	944.600	1.164.938	146,64	123,33
	- Các khoản thu NSDP hưởng 100%	196.265	431.920	494.691		114,53
	- Các khoản thu NSDP hưởng theo tỷ lệ %	598.180	512.680	670.247		130,73
2	Các khoản thu để lại chi quản lý qua ngân sách		143.400	211.217		147,29
II	Thu viện trợ			249		
III	Thu kết dư ngân sách		58.038	172.401		297,05
IV	Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước		2.345	919.851		39.226,06
V	Thu huy động theo khoản 3 Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước		30.000	30.000		100,00
VI	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	1.312.617	1.312.617	1.655.835	126,15	126,15
1	Bổ sung cân đối	507.985	507.985	891.646	175,53	175,53
2	Bổ sung có mục tiêu	804.632	804.632	764.189	94,97	94,97
	- Vốn XD CB ngoài nước	80.000	80.000	40.418	50,52	50,52
<b>C</b>	<b>Chi ngân sách địa phương</b>	<b>2.107.062</b>	<b>2.491.000</b>	<b>3.924.184</b>	<b>186,24</b>	<b>157,53</b>
<b>I</b>	<b>Chi trong cân đối ngân sách</b>	<b>2.107.062</b>	<b>2.347.600</b>	<b>3.745.656</b>	<b>177,77</b>	<b>159,55</b>
1	Chi đầu tư phát triển	600.892	725.412	948.333	157,82	130,73
	<i>Trong đó: Chi trả nợ gốc và lãi vay</i>		<i>126.125</i>	<i>226.125</i>		<i>179,29</i>
2	Chi thường xuyên	1.450.140	1.449.646	1.898.947	130,95	130,99
3	Chi sự nghiệp chương trình mục tiêu quốc gia		86.072			0,00
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ	1.000	1.000	1.000	100,00	100,00
5	Chi chuyển nguồn sang năm sau			897.376		
6	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương		30.440			
7	Dự phòng	55.030	55.030			

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm		Quyết toán	So sánh QT/DT(%)	
		Trung ương giao	HĐND giao		QT/DT TW giao	QT/DT HĐND
<b>II</b>	<b>Các khoản để lại chi quản lý qua ngân sách</b>		<b>143.400</b>	<b>178.528</b>		<b>124,50</b>
<b>D</b>	<b>Kết dư ngân sách: (B - C)</b>			<b>230.308</b>		
	Trong đó:					
I	Kết dư ngân sách tỉnh			112.685		
II	Kết dư ngân sách huyện			85.616		
III	Kết dư ngân sách xã			32.007		

**QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2010***Đơn vị tính: triệu đồng*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số quyết toán</b>
<b>Tổng thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn (A+B)</b>	<b>1.407.466</b>
<b>A. Thu trong cân đối ngân sách</b>	<b>1.196.249</b>
<b>I. Tổng thu nội địa</b>	<b>1.170.661</b>
1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương	102.684
2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương	95.063
3. Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	64.812
4. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	319.274
5. Thu thuế sử dụng đất nông nghiệp	279
6. Thuế thu nhập cá nhân	42.315
7. Thu lệ phí trước bạ	34.993
8. Thu phí xăng dầu	97.817
9. Thu phí và lệ phí	19.347
10. Thu thuế nhà đất	11.027
11. Thu thuế chuyển quyền sử dụng đất	36
12. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	8.357
13. Thu tiền sử dụng đất	114.699
14. Thu tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	669
15. Thu cố định tại xã	34.146
16. Thu khác ngân sách	225.143
<b>II. Thu thuế xuất nhập khẩu</b>	<b>25.588</b>
<b>B. Các khoản thu để lại quản lý chi qua ngân sách</b>	<b>211.217</b>

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2010***Đơn vị tính: triệu đồng*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số quyết toán</b>
<b>Tổng chi ngân sách địa phương</b>	<b>3.924.184</b>
<b>I. Chi ngân sách địa phương trong cân đối</b>	<b>3.745.656</b>
1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản	720.208
2. Chi trả nợ gốc và lãi vay đầu tư	226.125
3. Chi hỗ trợ doanh nghiệp	2.000
4. Chi trợ cước, trợ giá	5.991
5. Chi sự nghiệp kinh tế	223.211
6. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	834.078
7. Chi sự nghiệp y tế	220.162
8. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	27.235
9. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	10.344
10. Chi sự nghiệp thể dục, thể thao	6.950
11. Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	13.355
12. Chi sự nghiệp môi trường	21.439
13. Chi đảm bảo xã hội	68.058
14. Chi quản lý hành chính	403.609
15. Chi an ninh quốc phòng	53.273
16. Chi khác ngân sách	11.242
17. Chi chuyển nguồn	897.376
18. Chi lập quỹ dự trữ tài chính	1.000
<b>II. Chi từ khoản thu để lại quản lý qua Kho bạc nhà nước</b>	<b>178.528</b>